



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị  
Ông Lê Tiến Trường  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Lê Khắc Hiệp

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường  
Bà Phạm Nguyên Hạnh  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Phạm Phú Cường  
Ông Nguyễn Đức Khiêm  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuần  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Nguyễn Khánh Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2020)  
Giám đốc Điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Minh Hiền  
Bà Nguyễn Thị Kim Dung  
Ông Phan Thanh Sơn  
Bà Lê Thị Ánh Ngọc  
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 3(a) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.
- Thuyết minh 43 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 đã được điều chỉnh lại.

Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.504.215.560.961</b>	<b>2.875.212.463.035</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>120.668.074.407</b>	<b>87.308.080.590</b>
Tiền	111		44.668.074.407	38.308.080.590
Các khoản tương đương tiền	112		76.000.000.000	49.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>824.628.000.000</b>	<b>1.280.658.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	824.628.000.000	1.280.658.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.239.849.195.812</b>	<b>1.220.849.891.673</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	302.059.404.670	188.439.233.481
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	61.166.603.729	55.601.720.886
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	192.009.679.062	190.256.716.838
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	685.311.570.251	787.250.282.368
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(698.061.900)	(698.061.900)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>304.620.333.005</b>	<b>270.819.496.947</b>
Hàng tồn kho	141		312.312.364.318	278.813.110.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.692.031.313)	(7.993.613.540)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.449.957.737</b>	<b>15.576.993.825</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.150.580.294	4.414.719.049
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.043.300.680	10.941.554.577
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	256.076.763	220.720.199

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.054.562.980.493</b>	<b>6.078.316.096.595</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.712.594.835.460</b>	<b>1.691.698.534.360</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.397.468.998.400	1.407.541.220.752
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	315.125.837.060	284.157.313.608
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.157.005.982.180</b>	<b>1.198.977.186.305</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.094.792.690.909	1.135.907.494.436
Nguyên giá	222		1.728.779.316.713	1.713.392.138.259
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(633.986.625.804)	(577.484.643.823)
Tài sản cố định vô hình	227	17	62.213.291.271	63.069.691.869
Nguyên giá	228		81.790.248.511	81.759.326.511
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.576.957.240)	(18.689.634.642)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>44.680.981.248</b>	<b>44.551.177.250</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	44.680.981.248	44.551.177.250
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>3.084.754.567.554</b>	<b>3.085.164.506.346</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.141.982.784.242	2.140.377.966.617
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.082.737.329.878	1.082.737.329.878
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.758.224.260	55.758.224.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(195.723.770.826)	(193.709.014.409)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>55.526.614.051</b>	<b>57.924.692.334</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	55.526.614.051	57.924.692.334
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.558.778.541.454</b>	<b>8.953.528.559.630</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.620.820.941.790</b>	<b>3.025.254.267.368</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>599.494.143.845</b>	<b>937.898.893.031</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	78.736.486.327	114.159.028.671
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	2.974.426.232	4.118.748.339
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	8.122.649.238	7.448.820.417
Phải trả người lao động	314		11.897.302.128	18.036.886.856
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	2.454.420.412	5.415.093.135
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		477.285.000	528.585.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	67.944.532.241	426.075.726.516
Vay ngắn hạn	320	25(a)	407.844.481.938	340.755.942.102
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	19.042.560.329	21.360.061.995
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.021.326.797.945</b>	<b>2.087.355.374.337</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	23.716.800.000	23.716.800.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		461.500.000	674.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		500.231.805	491.731.805
Vay dài hạn	338	25(b)	1.996.648.266.140	2.062.472.342.532
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.937.957.599.664</b>	<b>5.928.274.292.262</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>5.910.639.015.192</b>	<b>5.899.934.894.280</b>
Vốn cổ phần	411	28	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		337.184.237.745	326.480.116.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		326.480.116.833	32.679.505.204
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		10.704.120.912	293.800.611.629
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	29	543.092.845.095	543.092.845.095
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>27.318.584.472</b>	<b>28.339.397.982</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	30	27.318.584.472	28.339.397.982
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.558.778.541.454</b>	<b>8.953.528.559.630</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Lê Tiên Trường  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>32</b>	<b>541.979.573.549</b>	<b>388.172.577.625</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>33</b>	<b>489.055.897.095</b>	<b>352.402.705.570</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>52.923.676.454</b>	<b>35.769.872.055</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	76.750.004.385	117.922.007.581
Chi phí tài chính	22	35	42.432.852.028	70.567.436.643
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		36.640.536.808	46.142.923.125
Chi phí bán hàng	25	36	35.408.653.956	18.566.468.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	46.502.948.545	50.929.587.959
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>5.329.226.310</b>	<b>13.628.386.532</b>
Thu nhập khác	31		5.375.200.355	302.298.202
Chi phí khác	32		305.753	596.068.573
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.374.894.602</b>	<b>(293.770.371)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>10.704.120.912</b>	<b>13.334.616.161</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>39</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>10.704.120.912</b>	<b>13.334.616.161</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Ngọc Cách  
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Lê Tiến Trường  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>10.704.120.912</b>	<b>13.334.616.161</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		56.989.704.669	57.178.886.844
Các khoản dự phòng	03		1.713.174.190	6.198.430.916
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.641.804.261	3.744.907.519
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(73.462.327.220)	(116.604.637.320)
Chi phí lãi vay	06		36.335.033.816	46.142.923.125
<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>35.921.510.628</b>	<b>9.995.127.245</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(112.011.187.660)	(48.906.829.145)
Biến động hàng tồn kho	10		(33.499.253.831)	(14.712.536.875)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(42.712.397.631)	17.391.380.986
Biến động chi phí trả trước	12		2.526.397.002	(362.464.481)
			(149.774.931.492)	(36.595.322.270)
Tiền lãi vay đã trả	14		(38.211.213.434)	(48.701.690.727)
Trả về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp	17		(357.614.866.635)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.748.088.888)	(5.243.522.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(549.349.100.449)</b>	<b>(90.540.535.219)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(24.722.590.111)	(50.063.372.046)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	280.365.400
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(676.850.000.000)	(847.980.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.145.275.476.955	66.470.042.156
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(34.461.056.000)	(20.800.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		178.034.973.067	373.687.813.354
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>587.276.803.911</b>	<b>(478.405.151.136)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		338.470.267.209	316.802.420.689
Tiền trả nợ gốc vay	34		(343.482.050.479)	(293.000.036.803)
Tiền trả cổ tức	35		(2.703.000)	(349.923.502.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.014.486.270)</b>	<b>(326.121.118.614)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>32.913.217.192</b>	<b>(895.066.804.969)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>87.308.080.590</b>	<b>1.102.288.489.466</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>446.776.625</b>	<b>559.910.269</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>120.668.074.407</b>	<b>207.781.594.766</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:


Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán  
Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết (1/1/2020: 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 34 công ty liên kết).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 619 nhân viên (1/1/2020: 693 nhân viên).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh năm 2016 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ cùng giảm 4.543 triệu VND (1/1/2020: 6.058 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ giảm và tăng cùng một khoản 1.515 triệu VND).

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

#### **(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

#### **(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(iv) Chi phí khác**

Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn thủ tục cải cách doanh nghiệp và các chi phí khác. Các khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoài trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là thu nhập từ cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức, và theo đó, lợi nhuận trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp hơn trong nửa đầu năm so với nửa cuối năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là 296.662 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 433.978 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế trước hợp nhất đạt 291.305 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 346.043 triệu VND).

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Sự bùng phát của vi rút Corona từ tháng 1 năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu. Chính phủ Việt Nam đã áp dụng một số biện pháp hạn chế về kinh tế, xã hội kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Các biện pháp hạn chế này gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam và Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn trong dài hạn.

Cơ quan Tổng Giám đốc đang tiếp tục theo dõi và đánh giá tình hình liên quan đến đại dịch này và sẽ có các biện pháp ứng phó thích hợp.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đã thoái toàn bộ vốn ở một công ty con cấp 3 là Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.036.842.243	2.872.481.495
Tiền gửi ngân hàng	42.482.734.514	35.305.530.895
Tiền đang chuyển	148.497.650	130.068.200
Các khoản tương đương tiền	76.000.000.000	49.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	120.668.074.407	87.308.080.590
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 7.562 triệu VND (1/1/2020: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(i)).

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 9. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	824.628.000.000	833.399.767.005
		1.280.658.000.000
		1.299.147.502.244

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5% đến 7,5% (1/1/2020: từ 5% đến 7,2%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2020: 110.000 triệu VND) đã được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2020				1/1/2020					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.529.009.868	-	(*)	100,00%	100,00%	163.529.009.868	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	-	(*)
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(18.810.861.689)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(18.550.345.043)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hà tăng Dệt May Phố Nội	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (**)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)	63,90%	63,90%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (***)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(78.097.369.684)	(*)	100,00%	100,00%	532.856.238.375	(74.656.886.582)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(55.533.167.545)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(59.102.888.574)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	59,74%	59,74%	33.800.000.000	(5.444.179.355)	(*)	59,74%	59,74%	33.800.000.000	(2.946.549.913)	(*)
			2.141.982.784.242	(183.918.078.273)				2.140.377.966.617	(181.289.170.112)	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2020		1/1/2020		
	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % số hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
					Đã điều chỉnh lại
					Đã điều chỉnh lại
<b>Công ty liên kết</b>					
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCF	27,69%	27,69%	27,69%	27,69%	64.157.524.344 (*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	21,21%	21,21%	21,21%	21,21%	28.018.860.248 (*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCF	35,21%	35,21%	35,21%	35,21%	48.705.037.797 (*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCF	35,01%	35,01%	35,01%	35,01%	47.350.233.012 (*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCF	33,82%	33,82%	33,82%	33,82%	97.190.682.268 (*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	30,40%	30,40%	288.033.867.683 (*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCF	46,93%	46,93%	46,93%	46,93%	196.304.445.135 (*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác					312.976.679.391 (*)
					1.082.737.329.878 (103.866.759)
<b>Đơn vị khác</b>					
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,8%	2,8%	2,8%	2,8%	19.450.204.510 (*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	18,02%	18,02%	6.305.925.360 (*)
• Các Khoản đầu tư khác					30.002.094.390 (*)
					55.758.224.260 (12.315.977.538)
					3.280.478.338.380 (193.709.014.409)

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kê toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 24(ii), ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 1080/QĐ-BCT (“Quyết định 1080”) về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và số phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên.

(\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua cổ phần mới phát hành thêm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện tại, qua đó làm tăng giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty này. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong công ty con này không thay đổi.

(\*\*\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ban hành Quyết định số 122/QĐ-TĐĐMMVN về việc quyết toán vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex. Theo đó, tổng giá trị vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex được giữ nguyên theo Nghị quyết số 17/NQ-TĐĐMMVN ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc góp vốn vào Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex là 500 tỷ Việt Nam đồng. Số tiền chênh lệch là 32.856.238.375 Việt Nam đồng được chuyển thành công nợ phải thu giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Thuyết minh 13(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết (1/1/2020: có 13 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	54.418.907.911	44.505.362.621
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	40.957.117.481	33.896.800.294
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	14.674.604.265	7.452.684.620
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	6.847.712.802	4.197.368.419
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8/3 – công ty con cấp 2	67.483.142.782	-
▪ Các công ty con khác	1.257.662.000	1.945.690.560
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	9.900.000	9.900.000
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	5.022.348.210	-
▪ Các công ty liên kết khác	1.759.251.608	204.102.254
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	62.872.485.593	23.000.727.578
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	14.331.007.076
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	12.927.229.238
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	12.106.956.016	11.363.070.485
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	3.016.652.285	3.333.340.180
▪ Các khách hàng khác	31.632.663.717	31.271.950.156
	<b>302.059.404.670</b>	<b>188.439.233.481</b>

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán là các công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	19.462.747.660	19.462.747.660
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	12.746.104.727	12.760.954.727
▪ Công ty con khác	8.824.997	-
<b>Trả trước cho người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Các công ty liên kết	3.077.682.273	60.681.939
<b>Trả trước cho người bán là bên thứ ba</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	359.458.950	363.243.600
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.533.312.362	9.578.033.962
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Quảng cáo Dịch vụ Thương mại Trang Trí Việt	-	3.907.620.400
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	7.559.687.981	-
▪ Các nhà cung cấp khác	8.418.784.779	9.468.438.598
	<hr/>	<hr/>
	<b>61.166.603.729</b>	<b>55.601.720.886</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	76.000.000.000	58.247.037.776
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	16.999.388.608	32.999.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
<b>Phải thu về cho vay các bên thứ ba</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>192.009.679.062</b>	<b>190.256.716.838</b>

(\*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May và không tính lãi.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 9% (1/1/2020: từ 0% đến 9%).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	537.809.390.963	540.669.402.390
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i) – công ty con cấp 2	2035	219.723.228.018	220.891.692.177
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	216.345.209.163	217.495.709.395
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2036	136.084.838.999	136.808.523.325
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (ii)	2022	48.000.000.000	32.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	82.201.336.821	82.638.474.478
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (i)	2035	76.847.814.185	77.256.482.337
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (iii)	2021	19.576.562.952	38.576.562.952
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	60.880.617.299	61.204.373.698
		1.397.468.998.400	1.407.541.220.752

(i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 25(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.

(ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 7% đến 9,5% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 8% đến 9% một năm).

(iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Cổ tức phải thu	351.942.310.165	447.627.669.019
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.000	136.932.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.771.394.015	89.837.282.279
Tiền lãi cho vay	26.757.562.198	25.927.113.952
Lãi tiền gửi	8.771.767.005	18.489.502.244
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	20.205.443.387	20.205.443.387
Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân (**)	15.381.160.391	15.381.160.391
Phải thu Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	16.322.000.000	16.322.000.000
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	-	1.330.000
Tạm ứng cho công nhân viên	2.290.410.452	1.330.971.880
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.937.522.638	15.195.809.216
	<b>685.311.570.251</b>	<b>787.250.282.368</b>

(\*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

(\*\*) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn Dệt May sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	94.726.457.610	157.354.798.334
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – công ty con cấp 2	157.712.925.686	156.972.802.736
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	4.468.034.157	4.654.203.162
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	36.792.374.444	37.155.917.949
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	69.977.488.691	69.326.639.771
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	-	2.153.816.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	9.608.795.347	9.819.116.943
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	17.427.880.652	19.126.444.162
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.771.394.015	89.837.282.279
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Các công ty con khác	5.910.272.319	8.901.250.000
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	53.813.680.000	53.623.680.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	23.000.002.400	33.204.124.800
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	11.092.280.500	11.092.280.500
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	17.576.576.600	17.386.576.600
▪ Các công ty liên kết khác	29.876.203.917	27.697.323.003
	<hr/>	<hr/>
	650.674.366.338	751.863.756.239
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác từ công ty con</b>		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i) (Thuyết minh 9(b))	140.077.648.114	109.108.124.662
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	19.286.359
	315.125.837.060	284.157.313.608

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2016 và 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 25(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2020				1/1/2020			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-
Xây dựng và Dịch vụ Dầu tư								
Công ty Cổ phần Cơ khí	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-
Dệt may Hưng Yên								
		698.061.900	(698.061.900)	-		698.061.900	(698.061.900)	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(698.061.900)				(698.061.900)	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	82.594.680.851	-	38.350.640.872	-
Nguyên vật liệu	147.019.356.167	(1.355.019.429)	173.805.446.842	(1.355.019.429)
Công cụ và dụng cụ	3.160.305.541	-	2.568.083.026	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.232.332.932	-	8.165.397.524	-
Thành phẩm	62.274.810.390	(6.337.011.884)	54.952.321.744	(6.638.594.111)
Hàng hóa	7.030.878.437	-	971.220.479	-
	312.312.364.318	(7.692.031.313)	278.813.110.487	(7.993.613.540)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu và 55.474 triệu VND thành phẩm (1/1/2020: 1.355 triệu VND nguyên vật liệu và 48.149 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	530.193.710.727	1.085.244.462.772	50.472.739.502	47.481.225.258	1.713.392.138.259
Tăng trong kỳ	64.555.000	4.689.418.000	-	-	4.753.973.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.025.615.364	895.591.000	1.228.049.090	483.950.000	10.633.205.454
Số dư cuối kỳ	538.283.881.091	1.090.829.471.772	51.700.788.592	47.965.175.258	1.728.779.316.713
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	185.456.198.116	339.561.465.142	27.957.462.859	24.509.517.706	577.484.643.823
Khấu hao trong kỳ	14.101.764.163	38.088.036.845	2.154.272.156	2.157.908.817	56.501.981.981
Số dư cuối kỳ	199.557.962.279	377.649.501.987	30.111.735.015	26.667.426.523	633.986.625.804
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	344.737.512.611	745.682.997.630	22.515.276.643	22.971.707.552	1.135.907.494.436
Số dư cuối kỳ	338.725.918.812	713.179.969.785	21.589.053.577	21.297.748.735	1.094.792.690.909

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 98.581 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 128.094 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 840.700 triệu VND (1/1/2020: 875.568 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	78.833.849.210	2.925.477.301	81.759.326.511
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	30.922.000	30.922.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>78.833.849.210</b>	<b>2.956.399.301</b>	<b>81.790.248.511</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	16.560.093.832	2.129.540.810	18.689.634.642
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	67.957.210	887.322.598
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.379.459.220</b>	<b>2.197.498.020</b>	<b>19.576.957.240</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	62.273.755.378	795.936.491	63.069.691.869
Số dư cuối kỳ	61.454.389.990	758.901.281	62.213.291.271

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 1.980 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 1.980 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	44.551.177.250	148.981.263.100
Tăng trong kỳ	14.094.144.452	16.184.911.450
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.633.205.454)	(125.696.286.959)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.922.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.300.213.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	44.680.981.248	39.469.887.591

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà máy Sợi Nam Định	18.841.452.363	19.125.903.333
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.089.929.018	5.047.567.199
Các công trình khác	20.749.599.867	20.377.706.718
	<hr/>	<hr/>
	44.680.981.248	44.551.177.250

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.416 triệu VND (1/1/2020: 22.373 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 219 triệu VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái (* VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	43.190.727.995	7.492.443.281	6.058.425.748	1.183.095.310	57.924.692.334
Tăng trong kỳ	-	810.535.973	-	-	810.535.973
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	3.300.213.000	-	-	3.300.213.000
Phân bổ trong kỳ	(621.213.600)	(3.980.913.458)	(1.514.606.436)	(392.093.762)	(6.508.827.256)
Số dư cuối kỳ	42.569.514.395	7.622.278.796	4.543.819.312	791.001.548	55.526.614.051

(\*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Phải trả người bán là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	122.549.288	122.549.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	70.394.925	81.455.945
▪ Các công ty con khác	652.267.953	963.207.802
<b>Phải trả người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	13.707.363.378	62.592.362.801
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	138.386.106	5.308.001.975
▪ Các công ty liên kết khác	891.183.809	2.837.248.087
<b>Phải trả người bán khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	4.206.937.511	16.150.578.411
▪ CDI Cotton Distributor INC	9.107.504	12.158.180.164
▪ Ecom USA, LLC	29.933.042.835	-
▪ Allenberg Cotton Co., Inc	19.214.852.474	-
▪ Các nhà cung cấp khác	9.790.400.544	13.945.444.198
	<b>78.736.486.327</b>	<b>114.159.028.671</b>

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua là các công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	27.500.000	-
<b>Người mua là bên khác</b>		
▪ Xiamen Zhanglong Import and Export Co, Ltd.	1.052.275.745	1.341.541.274
▪ Oliveira & Carvalho, Lda.	-	1.428.494.553
▪ Các khách hàng khác	1.894.650.487	1.348.712.512
	2.974.426.232	4.118.748.339

**22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số phát sinh/</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>đã thu được</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	
			<b>VND</b>	
<b>Thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	-	82.308.801	(46.524.463)	35.784.338
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	62.616.054	(26.831.716)	35.784.338
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	19.692.747	(19.692.747)	-
Thuế môn bài	500.000	1.500.000	(2.000.000)	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	500.000	1.500.000	(2.000.000)	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	72.226	-	72.226
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	72.226	-	72.226
	220.720.199	83.881.027	(48.524.463)	256.076.763

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2020 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.209.108.527	28.482.310.810	-	(12.689.685.863)	(15.017.376.530)	7.984.356.944
Văn phòng	3.328.978.144	6.396.691.213	-	(3.421.112.568)	(6.304.556.789)	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	47.899.784	23.409.455	-	(70.892.639)	(416.600)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	2.941.389.239	16.899.371.250	-	(7.697.330.195)	(5.215.048.856)	6.928.381.438
Nhà máy Sợi Nam Định	-	1.926.139.932	-	-	(1.645.083.198)	281.056.734
Trung tâm Thời trang Vinatex	860.393.900	3.236.698.960	-	(1.469.903.001)	(1.852.271.087)	774.918.772
Nhà máy May Kiên Giang	30.447.460	-	-	(30.447.460)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	256.326.304	(256.326.304)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	224.362.741	(224.362.741)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	31.963.563	(31.963.563)	-	-
Các loại thuế khác	239.711.890	-	1.419.777.136	(1.521.196.732)	-	138.292.294
+ Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quý Sơn	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	239.711.890	-	1.413.777.136	(1.515.196.732)	-	138.292.294
Văn phòng	165.743.906	-	1.309.782.577	(1.355.534.766)	-	119.991.717
Nhà máy Sợi Nam Định	66.723.491	-	57.188.777	(114.763.252)	-	9.149.016
Nhà máy Sợi Phú Cường	2.530.000	-	17.839.024	(16.342.061)	-	4.026.963
Trung tâm Thời trang Vinatex	4.714.493	-	28.966.758	(28.556.653)	-	5.124.598

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2020 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2020 VND
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Tiền thuê đất	-	-	1.695.452.008	(1.695.452.008)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	1.657.871.637	(1.657.871.637)	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	37.580.371	(37.580.371)	-	-
	7.448.820.417	28.482.310.810	3.371.555.448	(16.162.660.907)	(15.017.376.530)	8.122.649.238

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	582.899.227	1.304.717.410
Chi phí phải trả khác	922.849.185	3.161.703.725
	1.505.748.412	4.466.421.135
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	2.454.420.412	5.415.093.135

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	24.665.472.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	23.716.800.000	23.716.800.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	23.716.800.000	23.716.800.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055), được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2012 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam) của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.034.396.693	1.034.396.693
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt kim Đông xuân		
– Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.055.465.397	3.055.465.397
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
– Chi phí chạy thử nhà máy May Tuyên Quang	9.564.631.384	9.564.631.384
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa (iii)	24.094.548.602	24.094.548.602
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt 8/3		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa (iv)	51.500.000	51.500.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán vốn đầu tư theo Quyết toán cổ phần hóa (iii)	5.277.203.756	5.277.203.756
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
– Quyết toán chi phí cổ phần hóa (iv)	1.300.091.928	1.300.091.928
<b>Các bên khác</b>		
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.395.248.287
Lãi vay phải trả	1.626.960.246	3.480.058.192
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	859.744.196	558.051.350
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp (ii)	-	357.614.866.635
Cổ tức phải trả	308.660.625	311.363.625
Các khoản phải trả khác	10.063.990.115	8.776.209.655
	<b>67.944.532.241</b>	<b>426.075.726.516</b>

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN, chi tiết như sau:

	<b>30/6/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	<b>7.562.091.012</b>	<b>7.562.091.012</b>

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 9(b)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Bộ Tài chính và Bộ Công thương đã tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt trong Quyết định 1080 nói trên. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn đã nộp toàn bộ khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp.

- (iii) Đây là chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn thực góp ở hai công ty con này và giá trị của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con này được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt theo Quyết định số 1080 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Bộ Công thương ban hành vào ngày 7 tháng 4 năm 2020. Đối với các công ty con mà Tập đoàn sở hữu 100%, giá trị của khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh theo giá trị thực góp vào công ty con, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại được phê duyệt theo Quyết định 1080 và giá trị thực góp sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và ghi nhận khoản phải thu hoặc phải trả công ty con tương ứng.
- (iv) Đây là những chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chi trả bởi công ty con này. Theo Quyết định 1080, những chi phí đã phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ được giảm trừ khỏi số tiền phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp và Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho công ty con này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		30/6/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND
Vay ngắn hạn	221.834.322.093	338.470.267.209	(287.933.043.495)	(77.833.267)
Vay dài hạn đến hạn trả	118.921.620.009	71.884.296.643	(55.549.006.984)	293.859.730
	340.755.942.102	410.354.563.852	(343.482.050.479)	216.026.463
				407.844.481.938

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	3,2	40.111.897.145	134.767.483.257
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,2	168.361.165.185	87.066.838.836
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	2,8	63.820.650.210	-
			272.293.712.540	221.834.322.093

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	71.857.930.222	82.443.998.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,3	2025	47.216.960.190	51.716.960.190
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.617.010.053.230	1.625.777.168.044
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	9	2027	2.375.000.000	2.625.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2,8	2027	120.927.053.450	126.664.853.450
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	3,852	2028	129.787.975.694	129.383.214.576
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	9,3	2028	14.740.616.539	16.207.711.630
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	8,8	2025	3.953.371.071	4.349.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	4,395	2025	28.709.467.800	31.484.362.360
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	8,8	2024	37.217.642.842	41.596.182.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	4,7	2024	58.402.964.500	69.145.140.350
				2.132.199.035.538	2.181.393.962.541
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))				(135.550.769.398)	(118.921.620.009)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.996.648.266.140	2.062.472.342.532



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 237.027 triệu VND (1/1/2020: 241.025 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 134.477 triệu VND (1/1/2020: 143.898 triệu VND);
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
  - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2020: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 167.342 triệu VND (1/1/2020: tài sản cố định với giá trị còn lại là 175.386 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 319.180 triệu VND (1/1/2020: 332.585 triệu VND).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 5.090 triệu VND (1/1/2020: 5.047 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	21.360.061.995	23.815.374.842
Trích lập trong kỳ	-	10.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(2.317.501.666)	(5.243.522.222)
Phân phối cho các công ty con	-	(639.666.667)
Số dư cuối kỳ	19.042.560.329	27.932.185.953

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b> <b>- đã điều chỉnh lại</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	344.090.705.204	543.092.845.095	5.917.545.482.651
<i>Số dư tại ngày 1/1/2019 - đã báo cáo trước đây</i>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	352.672.256.613	543.092.845.095	5.925.676.752.600
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 43)</i>	-	450.281.460	(8.581.551.409)	-	(8.131.269.949)
<i>Lợi nhuận thuần trong kỳ</i>	-	-	13.334.616.161	-	13.334.616.161
<i>Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
<i>Cổ tức</i>	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b> <b>- đã điều chỉnh lại</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	47.425.321.365	543.092.845.095	5.620.880.098.812
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b> <b>- đã điều chỉnh lại</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	326.480.116.833	543.092.845.095	5.899.934.894.280
<i>Số dư tại ngày 1/1/2020 - đã báo cáo trước đây</i>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	336.472.868.242	543.092.845.095	5.909.477.364.229
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 43)</i>	-	450.281.460	(9.992.751.409)	-	(9.542.469.949)
<i>Lợi nhuận thuần trong kỳ</i>	-	-	10.704.120.912	-	10.704.120.912
<b>Số dư tại ngày 30/6/2020</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	337.184.237.745	543.092.845.095	5.910.639.015.192

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>30/6/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	Số cổ phiếu	30/6/2020 VND	%	Số cổ phiếu	1/1/2020 VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	50.000.000	500.000.000.000	10,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	<b>30/6/2020 và</b>
	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095
	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	28.339.397.982	30.381.025.002
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.318.584.472	29.360.211.492
	<hr/>	<hr/>

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	448.347	10.365.791.568	3.197.150	73.886.147.362
EUR	99.507	2.548.850.081	157	4.056.129
		<hr/>		<hr/>
		12.914.641.649		73.890.203.491
		<hr/>		<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	275.112.549.382	275.112.549.382
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	68.099.318.859	73.189.247.877
	<hr/>	<hr/>
	343.211.868.241	348.301.797.259
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Bán hàng	489.509.366.088	327.411.672.807
Dịch vụ gia công	-	3.634.132.948
Doanh thu dịch vụ	52.470.207.461	57.126.771.870
	541.979.573.549	388.172.577.625

**33. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Hàng hoá đã bán	462.883.209.892	334.813.590.776
Dịch vụ gia công	-	3.574.746.809
Dịch vụ đã cung cấp	26.474.269.430	26.461.975.615
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(301.582.227)	(12.447.607.630)
	489.055.897.095	352.402.705.570

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	59.263.262.933	68.728.898.405
Cổ tức	14.199.064.287	47.954.038.083
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.041.571.689	977.215.537
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.246.105.476	261.855.556
	76.750.004.385	117.922.007.581

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí lãi vay	36.640.536.808	46.142.923.125
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.014.756.417	18.646.038.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	441.257.534	2.033.567.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.336.301.269	3.744.907.519
	42.432.852.028	70.567.436.643

**36. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	4.914.921.075	4.038.216.530
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.001.015.541	5.299.404.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.675.641.491	3.503.419.589
Các chi phí bán hàng khác	7.817.075.849	5.725.427.535
	35.408.653.956	18.566.468.502

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	15.934.802.357	16.209.215.498
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.914.650.879	5.557.052.163
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	1.262.302.230	1.839.879.711
Chi phí thuê đất và nhà cửa	7.694.324.142	8.147.568.327
Công tác phí	1.900.125.312	2.512.227.610
Chi phí thuế, phí và lệ phí	108.487.124	289.960.715
Chi phí điện, nước, điện thoại	606.207.474	652.908.452
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.082.049.027	15.720.775.483
	46.502.948.545	50.929.587.959

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	256.786.910.046	243.795.701.458
Chi phí nhân viên	41.659.785.634	49.359.593.772
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.989.704.669	57.178.886.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.824.719.626	39.864.599.351
Chi phí khác	38.620.291.000	34.967.718.099

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.704.120.912	13.334.616.161
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.140.824.182	2.666.923.232
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	921.121.354	1.924.076.889
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	699.148.085	4.999.807.496
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(2.839.812.857)	(9.590.807.617)
Biến động chênh lệch tạm thời	(921.280.764)	-
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	
		Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND		Thu nhập khác VND
1	Văn phòng Công ty mẹ	288.589.014.996	207.423.848.972	75.789.965.669	5.375.200.355	29.887.155.535
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>					
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	2.980.267	2.954.550	25.717	-	(263.777.891)
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	183.266.933.011	183.109.279.247	157.653.764	-	(6.606.636.690)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	119.809.792.010	119.092.427.362	717.364.648	-	(14.502.056.140)
	Trung tâm Thời trang Vinatex	32.435.805.146	32.351.063.418	84.741.728	-	2.195.336.557
	Nhà máy May Kiên Giang	-	-	-	-	(1.566.500)
	Nhà máy May Quế Sơn	252.859	-	252.859	-	(4.333.959)
3	<b>Tổng cộng</b>	624.104.778.289	541.979.573.549	76.750.004.385	5.375.200.355	10.704.120.912



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con cấp 1 và cấp 2</b>		
<i><b>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</b></i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	67.480.542.782	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.114.590.419	1.678.654.815
Thu nhập lãi vay	10.454.618	407.318.878
Hoàn trả gốc vay	1.890.571.161	-
Hoàn trả lãi và phí vay	1.321.284.498	1.712.506.387
<i><b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b></i>		
Doanh thu cho thuê	9.862.112.264	6.380.545.530
Doanh thu bán hàng hóa	600.476.800	7.925.449.947
Thu nhập từ thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ	-	2.319.296.638
Doanh thu gia công	-	4.516.280.270
Cung cấp dịch vụ	475.288.723	673.766.415
Mua hàng hóa	3.461.379.546	27.665.909
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.142.315.293	4.725.650.034
Hoàn trả lãi và phí vay	3.725.306.105	4.820.093.714
Hoàn trả gốc vay	1.814.415.460	-
Trả hộ	750.296.236	-
<i><b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b></i>		
Bán hàng hóa	969.570.000	1.085.918.400
Doanh thu cho thuê	-	1.385.034.534
Cung cấp dịch vụ	198.560.661	398.147.827
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	7.800.316.967	11.763.872.690
Hoàn trả lãi và phí vay	7.059.327.371	12.220.151.324
Hoàn trả gốc vay	4.503.685.093	-
Lãi chậm trả cổ tức	2.223.788.410	-
Cổ tức đã công bố	-	37.408.796.000



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Mua hàng hóa	63.636.400	-
Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	415.851.361	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.190.403.528	4.834.423.666
Hoàn trả lãi và phí vay	3.545.295.021	4.896.397.536
Hoàn trả gốc vay	21.839.597.127	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.193.571.874	1.797.227.204
Hoàn trả lãi phí vay	1.413.330.806	1.831.806.533
Hoàn trả gốc vay	688.364.531	-
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	30.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	2.560.441.668	2.836.466.471
Doanh thu khác	-	20.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.973.756.786	2.992.246.231
Hoàn trả lãi phí vay	2.339.778.361	3.030.629.697
Mua hàng hóa, dịch vụ	352.137.500	316.127.500
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cung cấp dịch vụ	50.000.000	20.000.000
Mua cổ phần	34.461.056.000	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Bán hàng hóa	22.976.569.204	-
Mua hàng hóa	8.073.000.000	-
Cổ tức	2.045.370.572	229.630.097
Doanh thu cho thuê tài sản	-	789.473.684
Cung cấp dịch vụ	213.574.518	196.644.546
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	883.944.174	1.339.804.882
Hoàn trả lãi và phí vay	2.286.037.180	-
Hoàn trả gốc vay	509.822.074	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương</b>		
Mua hàng hóa	812.264.071	-
Doanh thu cho thuê	9.250.000.000	7.500.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
Cổ tức	4.878.732.174	-
Điều chỉnh giảm cổ tức ghi nhận từ năm trước	-	190.650.380
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội</b>		
Doanh thu cho thuê	2.685.216.400	2.146.886.000
Cung cấp dịch vụ	50.000.000	20.000.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Doanh thu cho thuê	13.340.549.331	14.164.168.334
Góp vốn	-	20.800.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	12.600.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Bán hàng hóa	25.815.573	-
Cung cấp dịch vụ	-	315.509.419
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Cung cấp dịch vụ	637.769.366	542.667.152
Mua hàng hoá	148.250.045	4.296.181.548
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức đã công bố	6.953.392.000	5.215.044.000
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cung cấp dịch vụ	229.131.354	285.873.505
Mua hàng hóa	-	27.272.727
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP</b>		
Bán hàng hóa	-	38.000.000
Cung cấp dịch vụ	897.193.397	-
Mua hàng hóa	18.225.000	-
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Mua hàng hoá	746.228.218	1.141.195.359
Cung cấp dịch vụ	-	69.650.964

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b></i>		
Cung cấp dịch vụ	1.411.600.355	1.901.603.980
Mua hàng hóa, dịch vụ	21.818.000	323.233.263
<i><b>Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP</b></i>		
Cổ tức đã công bố	-	2.371.723.200
Cung cấp dịch vụ	-	150.113.876
<i><b>Công ty Cổ phần Vinatex OJ</b></i>		
Cổ tức	-	1.622.880.000
<i><b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b></i>		
Doanh thu cho thuê	393.051.600	393.305.400
<i><b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</b></i>		
Tiền lương và thù lao đã trả	3.522.258.591	3.118.987.914

**42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm khoản đầu tư vào công ty con và tăng khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định 122/QĐ-TĐDMVN do Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Thuyết minh 13(b))	32.856.238.375	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**43. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày ở các Thuyết minh 9(b), 13 và 24, ngày 7 tháng 4 năm 2020, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Theo đó, giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp về Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp đã được phê duyệt. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ Sắp xếp và Phát triển Doanh nghiệp, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần được phê duyệt tại Quyết định 1080.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Phải thu ngắn hạn khác	620.498.914.793	610.506.160.939
Đầu tư vào công ty con	2.195.587.067.776	2.183.269.954.714
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.082.737.329.878	1.086.938.145.827
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	51.095.424.260	51.426.323.409
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(209.201.278.981)	(206.276.278.981)
Phải trả ngắn hạn khác	431.204.131.414	408.219.709.647
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	47.425.321.365	56.006.872.774
	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Phải thu ngắn hạn khác	787.250.282.368	777.257.528.514
Đầu tư vào công ty con	2.140.377.966.617	2.130.260.853.555
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.082.737.329.878	1.086.938.145.827
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	55.758.224.260	55.300.323.409
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(193.709.014.409)	(190.784.014.409)
Phải trả ngắn hạn khác	426.075.726.516	403.091.304.749
Thặng dư vốn cổ phần	30.361.932.352	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	326.480.116.833	336.472.868.242



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 593 /TĐDMVN-TCKT  
v/v: giải trình một số vấn đề  
trong BCTC soát xét bán niên  
năm 2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020:

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó TCT CP Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 557 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2020 (1/1/2020: 460 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Coats Phong Phú là 97 tỷ VND (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 126 tỷ VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị TCT CP Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2020 của Coats Phong Phú.

Tuy nhiên, đến ngày 28/8/2020 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2020 của Tập đoàn.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 có sự chênh lệch trên 10%:

Đối với BCTC soát xét bán niên Công ty Mẹ:

- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét riêng: 10.704.120.913 đồng
- LNST 6 tháng năm 2019 trên BCTC soát xét riêng: 13.334.616.161 đồng

Chênh lệch giảm: 2.630.495.248 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 19,73% so với số cùng kỳ năm trước.

Đối với BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2020 trên BCTC soát xét hợp nhất: 272.231.555.580 đồng
- LNST 6 tháng năm 2019 trên BCTC soát xét hợp nhất: 348.582.768.039 đồng

Chênh lệch giảm: 76.351.212.459 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 21,9% so với số cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng Công ty Mẹ và Hợp nhất toàn Tập đoàn giảm so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên toàn cầu trong những tháng đầu năm 2020 khiến sản xuất kinh doanh nhiều ngành nghề ở nhiều quốc gia bị ảnh hưởng, trong đó có ngành dệt may nói chung và Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói riêng. Dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và hầu hết các đơn vị thành viên trong Tập đoàn đều sụt giảm dẫn đến kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Vũ Hùng**